

Bản án số: 01/2022/HS-ST

Ngày: 06-01-2022

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoài
Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bình
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Chu Minh Chiến
2. Ông Lương Sĩ Tư Hoài
3. Bà Phạm Thị Mỹ Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lương - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 06/01/2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 298/2021/QĐXXST-HS ngày 23/12/2021 đối với bị cáo:

Vũ Thị Ngọc C, sinh năm 1979 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi ĐKKHKT và cư trú: Xóm 1, thôn Ba Cản, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Lớp 8/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Vũ Văn C, sinh năm 1957 và bà Vy Thị H, sinh năm 1957; chồng Lê Khắc T, sinh năm 1978 và có 02 người con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/6/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công A tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo C: Luật sư Nguyễn Thị Kim L – Văn phòng luật sư Nguyễn L, Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Bị hại: Bà Trần Thị N, sinh năm 1965; nơi cư trú: Tổ 3, thôn A Hiệp, xã L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ L1 qua đến vụ án:

1. Ông Lê Khắc T, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số 116 xóm 1, thôn Ba Cản, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt;
2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1979; nơi cư trú: Số 09 Lê Hồng Phong, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt;
3. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số 58 thôn Tân Hiệp, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt;
4. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số 60/2 thôn Tân Hiệp, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt;
5. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số 83 thôn Tân Đà, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt;
6. Bà Nguyễn Thị Kim L1, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn Tân Hiệp, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt;
7. Bà Đỗ Thị T1, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn Tân Bình, xã Tân Thành, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Thị Ngọc C làm nông nghiệp tại thôn Ba Cản, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, ngoài ra C còn cho vay tiền và kinh doanh mua bán đất ở khu vực xã T, quá trình làm ăn kinh doanh, C có vay tiền của nhiều người. Do việc làm ăn thua lỗ và không có khả năng trả nợ, C bị các chủ nợ nhiều lần đòi tiền và gây áp lực. Khoảng giữa tháng 01/2021 C nảy sinh ý định đưa ra thông tin gian dối là đáo hạn ngân hàng để vay tiền của người khác, sau đó mAg đi trả nợ. Thực hiện ý định đó, C nói với bà Trần Thị N (có mối quan hệ quen biết) là C sắp phải đáo hạn ngân hàng cho khoản vay của gia đình tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Phòng giao dịch huyện Đ, khoản tiền đáo hạn là 02 tỷ đồng, do C không có tiền để đáo hạn nên muốn mượn bà N 02 tỷ đồng và sẽ trả lại sau 10 ngày, lãi suất thỏa thuận giữa hai bên là 3.000đ/ ngày/ 1.000.000đ, khi vay thì không thể chấp tài sản gì để làm tin.

Bà N tin tưởng nên đã đồng ý cho C vay tiền để đáo hạn ngân hàng cho khoản vay của gia đình C, bà N nhiều lần gom tiền và đưa tiền mặt cho bà C đủ 02 tỷ đồng, ngày 20/01/2021 C trực tiếp viết giấy vay tiền cho bà N, nội dung thể hiện C vay của bà N số tiền 02 tỷ đồng vào ngày 20/01/2021, hẹn đến ngày 30/01/2021 sẽ trả, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng.

Sau khi vay được số tiền 02 tỷ đồng từ bà N thì C đã sử dụng mAg đi trả nợ cho người khác, cụ thể:

Trả cho bà Nguyễn Thị D, trú tại số 09 Lê Hồng Phong, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng số tiền 1.400.000.000đ.

Trả cho bà Huỳnh Thị H, trú tại thôn Tân Hiệp, xã T, huyện Đ; trả cho bà Nguyễn Thị A, trú tại thôn Tân Đà, xã T, huyện Đ; trả cho bà Đỗ Thị T1, trú tại thôn Tân Đà, xã T, huyện Đ; trả cho bà Phạm Thị L, trú tại thôn Tân Hiệp, xã T, huyện Đ; trả cho bà Nguyễn Thị Kim L1, trú tại thôn Tân Hiệp, xã T, huyện Đ. Vũ Thị Ngọc C trả tiền gốc, tiền lãi cho những người này nhưng không xác định được số tiền cụ thể trả cho từng người là bao nhiêu. Hiện C còn nợ bà Huỳnh Thị H số tiền 4,8 tỷ đồng, nợ bà Nguyễn Thị A số tiền 1,1 tỷ đồng, nợ bà Đỗ Thị T1 số tiền 800.000.000đ, nợ bà Phạm Thị L số tiền 3,2 tỷ đồng, nợ bà Nguyễn Thị Kim L1 số tiền 2,8 tỷ đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trên giấy vay mượn tiền. Tại bản kết luận giám định số 259/GĐ-PC09 ngày 26/4/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình Sự - Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Vũ Thị Ngọc C dưới mục “Người vay tiền” trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết ghi họ tên Vũ Thị Ngọc C trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký viết ra.

Tang vật thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng hồng, Model A1784 Fcc ID: BCG-E3092A, IC: 579C-E3092A, điện thoại đã qua sử dụng.

Bản Cáo trạng số 48/CT-VKS ngày 27/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Vũ Thị Ngọc C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố; đề nghị tuyên bố bị cáo Vũ Thị Ngọc C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Vũ Thị Ngọc C mức án từ 07 đến 08 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường đầy đủ cho bị hại nên không xem xét.

Bị cáo Vũ Thị Ngọc C khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã quy kết; không thắc mắc, khiếu nại nội dung bản cáo trạng.

Người bào chữa cho bị cáo, Luật sư Nguyễn Thị Kim L: Thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo; tuy nhiên xin Hội đồng xét xử xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử bị cáo dưới khung hình phạt như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Bị hại Trần Thị N thừa nhận khi cho bị cáo vay tiền thì bị cáo đặt vấn đề vay của bị hại số tiền 02 tỷ đồng để đáo hạn ngân hàng, do tin tưởng bị cáo nên bị hại đã gom tiền khoảng 4 – 5 lần đủ 02 tỷ đồng để đưa cho bị cáo; nếu biết bị cáo vay tiền để trả cho những người khác thì sẽ không cho bị cáo vay. Quá trình vay tiền thì chỉ có một mình bị cáo là người vay và nhận tiền của bị hại, bị hại yêu cầu chồng bị cáo ký vào giấy vay là để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của cả 2 vợ

chồng bị cáo. Bị cáo và gia đình bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả nên bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không có yêu cầu gì khác.

Người liên quan ông Lê Khắc T khai không biết việc bị cáo C vay tiền của bị hại N, cũng không nhận tiền từ bị hại N và không sử dụng số tiền đó. Do bị hại và vợ là bị cáo C gây áp lực nên ông T mới ký vào giấy vay tiền.

Các người liên quan khác là bà Huỳnh Thị H, bà Phạm Thị L, bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị Kim L1, bà Đỗ Thị T1 không biết việc bị cáo C dùng tiền đã vay của bị hại N để trả cho mình.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Đối với người liên quan bà Nguyễn Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Vũ Thị Ngọc C khai nhận: Do làm ăn kinh doanh bị thua lỗ, không có khả năng trả nợ, bị cáo C đưa ra thông tin gian dối là vay tiền để đáo hạn ngân hàng cho khoản vay 02 tỷ đồng của gia đình C tại Ngân hàng BIDV chi nhánh huyện Đ, thời hạn vay là 10 ngày. Do có quan hệ quen biết và tin tưởng vào thông tin do C đưa ra, bị hại Trần Thị N đã cho C mượn số tiền 02 tỷ đồng với lãi suất 3.000đ/ ngày/ 1.000.000đ để đáo hạn ngân hàng. Sau khi mượn được tiền, C sử dụng số tiền này để trả cho người khác, dẫn đến việc không có khả năng trả nợ cho bị hại N.

Hành vi bị cáo C đã chiếm đoạt tài sản của bị hại số tiền 02 tỷ đồng, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình A ninh trật tự tại địa phương.

Đối chiếu lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra phù hợp với lời khai tại phiên tòa hôm nay, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, bản kết luận giám định; Hội đồng xét xử có đủ căn cứ tuyên bố bị cáo Vũ Thị Ngọc C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Thị Ngọc C là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm hại đến khách thể quyền sở

hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của bị hại để chiếm đoạt số tiền 02 tỷ đồng, đây là tài sản có giá trị lớn, do vậy, cần quyết định mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, đã tác động gia đình bồi thường hết cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do đó bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa hôm nay là phù hợp.

[6] Đối với ông Lê Khắc T, tuy là người ký tên “Người vay” trong giấy vay tiền nhưng bản thân ông T không biết sự việc, chỉ ký sau khi sự việc đã xảy ra và bị hại N đến nhà đòi nợ mới yêu cầu ông T ký, đồng thời ông T không phải là người vay tiền, sử dụng tiền, vì vậy hành vi của ông T trong vụ việc này không cấu thành tội phạm hình sự.

Trong vụ án này có các người liên quan Nguyễn Thị D, Huỳnh Thị H, Nguyễn Thị A, Đỗ Thị T1, Phạm Thị L và Nguyễn Thị Kim L1. Những người này được bị cáo Vũ Thị Ngọc C sử dụng số tiền chiếm đoạt của bị hại Trần Thị N trả nợ. Quá trình điều tra xác định được khi nhận tiền từ bị cáo C thì những người này không biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không có căn cứ xử lý trách nhiệm hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị hại Trần Thị N xác nhận bị cáo đã bồi thường đầy đủ, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[8] Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo C 01 điện thoại di động hiệu Iphone, màu trắng hồng, Model A1784 Fcc ID: BCG-E3092A, IC: 579C-E3092A, điện thoại đã qua sử dụng. Đây là tài sản hợp pháp của bị cáo nên trả lại nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Vũ Thị Ngọc C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị Ngọc C 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/6/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo Vũ Thị Ngọc C 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu trắng hồng, Model A1784 Fcc ID: BCG-E3092A, IC: 579C-E3092A, điện thoại đã qua sử dụng (không kiểm tra chất lượng bên trong), nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành. (Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/10/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng)

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Vũ Thị Ngọc C phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, các người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án theo quy định của pháp luật, người liên quan chỉ được kháng cáo phần có liên quan.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSNDCC tại Tp HCM (01);
- Vụ GDKT I – TADTC (01);
- Phòng PV27 CA Lâm Đồng (01);
- Cơ quan CSĐT CA Lâm Đồng (02);
- Cơ quan THAHS CA Lâm Đồng (02);
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- Trại tạm giam (02);
- Bị cáo (01); Bị hại (01);
- Người liên quan (07);
- Người bào chữa (01);
- Phòng KTNV&THA (04);
- Lưu Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Hoài